

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06/12/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Vĩnh Huệ;

Bà Phan Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố D, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1982; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu phố D, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; hiện đã xuất cảnh, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2024 và đơn trình bày đề ngày 01/11/2024, nguyên đơn trình bày:

Chị Bùi Thị L và anh Lê Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị ngày 27/4/2012. Thời gian đầu mới kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023, anh B đi xuất khẩu lao động tại H thì không thường xuyên liên lạc, quan tâm, chăm sóc vợ con. Đến nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết những vấn đề sau:

- Về tình cảm: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Lê Văn B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Bùi Trang N, sinh ngày 24/3/2013 và cháu Lê Khánh H, sinh ngày 02/9/2022. Nếu ly hôn, chị Bùi Thị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu anh Lê Văn B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 1608/PA08(Đ1) ngày 14/10/2024, Phòng Q Công an tỉnh Q xác nhận: Anh Lê Văn B đã xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 28/01/2024 qua Sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đến cho anh Lê Văn B thông qua bố đẻ của anh B là ông Lê Văn L1; địa chỉ: Khu phố D, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị

Tại biên bản xác minh ngày 06/11/2024, ông Lê Văn L1 trình bày:

Hiện anh Lê Văn B đã đi xuất khẩu lao động ở H và thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và các ứng dụng mạng xã hội, nhưng địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài thì ông L1 không biết. Quá trình giải quyết vụ án, ông L1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh B biết việc chị L có đơn xin ly hôn, đang được TAND tỉnh Quảng Trị thụ lý giải quyết. Ông L1 có ý kiến như sau:

Việc ly hôn và nuôi con chung là quyền và nghĩa vụ của chị L và anh B, ông L1 chỉ mong rằng sau ly hôn các con và các cháu vẫn có sự qua lại giữa hai bên gia đình. Ngoài ra, ông L1 sẽ nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông tin lại cho anh B được biết.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 01/11/2024, cháu Lê Bùi Trang N trình bày: Cháu N đang học lớp 6 tại Trường trung học cơ sở thị trấn C. Hiện cháu N đang sống cùng mẹ và được mẹ chăm sóc rất tốt. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Lê Văn B.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Bùi Trang N, sinh ngày 24/3/2013 và cháu Lê Khánh H, sinh ngày 02/9/2022 cho chị Bùi Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Lê Văn B. Theo Công văn số 1608/PA08(Đ1) ngày 14/10/2024 của Phòng Q Công an tỉnh Q xác nhận: Anh Lê Văn B đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 28/01/2024, đến nay vẫn chưa nhập cảnh về Việt Nam. Như vậy, vụ án này có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, chị L và người thân của anh B không cung cấp được địa chỉ nơi anh B đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài. Tuy nhiên, anh B vẫn liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và các ứng dụng mạng xã hội. Anh B đã được người thân thông báo về việc TAND tỉnh Quảng Trị đang thụ lý, giải quyết vụ án chị L khởi kiện xin ly hôn nhưng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, cư trú nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-

HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về “Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Kế hoạch giải quyết vụ án và thông báo đến anh B thông qua ông Lê Văn L1 (bố đẻ của anh B) để anh B sắp xếp công việc, tham gia tố tụng nhưng anh B không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình, chứng tỏ anh B không có mong muốn để vợ chồng đoàn tụ. Do đó Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành các thủ tục để đưa vụ án ra xét xử.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Bùi Thị L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị L và anh Lê Văn B kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện G ngày 27/4/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của chị Bùi Thị L xin được ly hôn anh Lê Văn B, HĐXX thấy rằng: Thời gian đầu mới kết hôn, chị L và anh B chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2023, anh B đi xuất khẩu lao động tại H thì không thường xuyên liên lạc, quan tâm, chăm sóc vợ con nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Kế hoạch giải quyết vụ án và thông báo đến anh B thông qua ông Lê Văn L1 (bố đẻ của anh B) để anh B sắp xếp công việc, tham gia tố tụng nhưng anh B không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình, chứng tỏ anh B không có mong muốn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị Bùi Thị L và anh Lê Văn B có 02 con chung là cháu Lê Bùi Trang N, sinh ngày 24/3/2013 và cháu Lê Khánh H, sinh ngày 02/9/2022. Hiện nay, 02

cháu đang sống cùng mẹ. Chị Bùi Thị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX thấy rằng: Nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái là của bố mẹ. Hiện nay, chị Bùi Thị L đang ở Việt Nam, có đủ điều kiện nuôi dưỡng con nên cần giao 02 cháu Lê Bùi Trang N và Lê Khánh H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N, thể hiện tại Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 01/11/2024.

Sau này khi anh B về nước, nếu có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thì có quyền gửi đơn đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền để xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Lê Văn B.
2. Về con chung: Giao 02 cháu Lê Bùi Trang N, sinh ngày 24/3/2013 và cháu Lê Khánh H, sinh ngày 02/9/2022 cho chị Bùi Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000172 ngày 23/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị L đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND thị trấn Cửa Việt, Gio Linh;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: HSPA, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Trung